TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 25-4-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Ngọc Hân

2. Ông Đặng Hữu Tấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2018/TLST–DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 85 đường Trần Nhật Duật, khóm 7, phường Mỹ L, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hòa B, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 39 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Mỹ L, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

Bà Đặng Thị Tuyết L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 53/2, khóm Hòa Thạnh, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2018 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T trình bày:

Do chỗ quen biết nên ông Nguyễn Hòa B cùng vợ là Đặng Thị Tuyết L có thỏa thuận vay tiền của bà Huỳnh Thanh T nhiều lần với tổng số tiền 120.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, ngày 27/7/2015 vay 90.000.000đ;

Lần thứ hai, ngày 31/7/2015 vay 30.000.000 đồng;

Lần thứ ba, ngày 25/3/2017, ông B đến nhà bà mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông B đem đi thế chấp nhận số tiền 50.000.000đ.Ông B viết cho bà biên nhận mượn tài sản cộng hai khoản vay trước lại là 170.000.000đ và hẹn 03 tháng sẽ trả cho bà T 50.000.000đ. Các lần vay trên lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Sau đó ông B, bà L chỉ trả được 50.000.000đ để lấy giấy đất đưa lại cho bà T và còn nợ lại 120.000.000đ được bà L vợ của ông B ký xác nhận nợ cho đến nay, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà L trả nợ nhưng ông bà chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu ông B, bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền còn nợ là 120.000.000đ và lãi suất 7%/năm từ ngày 28/3al/2017 (nhằm ngày 24/4dl/2017) đến ngày 09/7/2018 với số tiền lãi là 10.875.000đ và lãi phát sinh từ ngày 10/7/2018 cho đến khi xét xử.

Yêu cầu Tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 để đảm bảo thi hành án.

* Bị đơn ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nhưng ông, bà có gửi bản tự khai cho Tòa án trình bày như sau:

Do chỗ quen biết nên trước đây vợ chồng ông bà có mượn của bà T số tiền 120.000.000đ như lời trình bày của bà T, do làm ăn khó khăn nên không có khả năng thanh toán số tiền trên cho bà T như đã thỏa thuận và bà T đã khởi kiện ra Tòa án. Vợ chồng ông bà xác định hiện nay còn nợ bà T số tiền 120.000.000đ, tuy nhiên do điều kiện kinh tế hiện nay gặp nhiều khó khăn nên ông bà xin được thực hiện thời gian và phương thức trả nợ tại giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền vốn lãi còn nợ là: 130.875.000đ (trong đó vốn là 120.000.000đ; lãi từ ngày 24/4dl/2017 đến ngày 09/7/2018 với số tiền 10.875.000đ) và lãi phát sinh từ ngày 10/7/2018 cho đến khi xét xử. Yêu cầu tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Huỳnh Thanh T và ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà Huỳnh Thanh T là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông B, bà L. Như vậy, từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử vụ án ông B, bà L đã từ chối các quyền cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự sau ngày ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Theo đại diện nguyên đơn, từ tháng 7/2015 đến tháng 3/2017, ông B, bà L có thỏa thuận vay của bà T nhiều lần với tổng số tiền là 170.000.000đ, lãi thỏa

thuận là 5%/tháng, các lần vay ông B, bà L đều ký biên nhận nợ. Đến ngày 28/3/2017, ông B, bà L có trả được 50.000.000đ và nợ lại 120.000.000đ cho đến nay không trả vốn lãi cho bà. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B, bà L phải trả số tiền 120.000.000đ; lãi từ ngày 24/4/2017 đến ngày 09/7/2018 với số tiền 10.875.000đ và lãi phát sinh từ ngày 10/7/2018 cho đến khi xét xử (với lãi suất là 7%/năm)

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay tài sản, xác lập giấy nhận nợ bằng văn bản phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; giấy nhận nợ ghi rõ họ tên người cho vay là Huỳnh Thanh T, người ký vay là Nguyễn Hòa B, Đặng Thị Tuyết L, ghi rõ số tiền vay, nghĩa vụ trả nợ, thời gian trả nợ cụ thể nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn qui định tại các Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 4/2017 đến nay và nội dung khởi kiện này của nguyên đơn được phía bị đơn thừa nhận nợ thể hiện qua bản tự khai mà ông B, bà L bà đã gửi cho tòa án thừa nhận còn nợ bà T 120.000.000đ và xin được trả nợ tại giao đoạn thi hành án. Từ những căn cứ nêu trên thể hiện việc vay mượn tiền giữa bà T với ông B, bà L thực tế có xảy ra nên bà T căn cứ vào các biên nhận nợ ngày 27/7/2015; ngày 31/7/2015; ngày 25/3/2017; ngày 28/3al/2017 để khởi kiện yêu cầu ông B, bà L liên đới trả cho bà số tiền 120.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] về lãi suất: Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng là cao so với quy định pháp luật tuy nhiên từ khi vay cho đến nay bị đơn không trả lãi cho nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất là 7%/năm là có lợi cho bị đơn và phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Tiền lãi được nguyên đơn tính như sau: Từ ngày 24/4/2017 đến ngày 09/7/2018 (với lãi suất 7%/năm = 0.85%/tháng) là 14 tháng 15 ngày với số tiền 10.875.000đ là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 10/7/2018 đến ngày 25/4/2019 là 09 tháng 15 ngày: 120.000.000đ x 0.58%/tháng x 09 tháng 15 ngày = 6.612.000đ

Như vậy ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thanh T số tiền vốn 120.000.000đ + lãi (10.875.000đ + 6.612.000đ) = 137.487.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

[4] Đối với yêu cầu tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 để đảm bảo thi hành án. Xét thấy theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018, Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 126,5m^2 đất thuộc thửa số 156, tờ bản đồ số 5, gắn với nhà ở diện tích xây dựng là 91m^2, diện tích sàn là 185,5m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số cấp GCN: CH04111, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 04/7/2013 cho ông Nguyễn Hòa B, bà Đăng Thị Tuyết L. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với tài sản đối với bị đơn là cần thiết nên cần tiếp tục duy trì để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L phải có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Khoản 11 Điều 114 khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280;

Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L.

Buộc ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Thanh T 137.487.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Trong đó tiền vốn là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng và lãi là 17.487.000đ (mười bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đối với tài sản là: Quyền sử dụng đất diện tích 126,5m^2 đất thuộc thửa số 156, tờ bản đồ số 5, gắn với nhà ở diện tích xây dựng là 91m^2, diện tích sàn là 185,5m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số cấp GCN: CH04111, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 04/7/2013 cho ông Nguyễn Hòa B, bà Đăng Thị Tuyết L.

Bà Huỳnh Thanh T được nhận lại tiền đã nộp biện pháp bảo đảm và lãi nếu có tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh thành phố Long Xuyên theo chứng từ giao dịch bảo đám số tiết kiệm có kỳ hạn, số tài khoản 6701601249137 ngày 23/9/2018.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hòa B, bà Đặng Thị Tuyết L liên đới nộp 6.874.000đ (sáu triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thanh T 3.270.000đ (ba triệu hai trăm bảy chục nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009716 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền